

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NAGAKAWA VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỔNG HỢP**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**Đã được kiểm toán bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN VIỆT**

HÀ NỘI, 2013



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-5
Báo cáo kiểm toán	6-7
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	8-39
<i>Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	8-11
<i>Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2012</i>	12
<i>Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2012</i>	13-14
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm 2012</i>	15-39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 8 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 08 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập và bổ sung ngành nghề kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 số 2500217389 được phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 12 tháng 01 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty là 148.495.780.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại : 0211 873 568
Fax : 0211 873 569
E-mail : Info@nagakawa.com.vn
Mã số thuế : 2 5 0 0 2 1 7 3 8 9

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại Hà Nội	Số 10, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại Đà Nẵng	636 Điện Biên Phủ, quận Thanh Khê Tây, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	192/29 đường T5, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất điều hòa không khí;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất và mua bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Sản xuất và mua bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Sản xuất và mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất và mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Sản xuất và mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí, công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Mua bán máy móc, thiết bị y tế;
- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện;
- Sản xuất và mua bán các loại vật tư ngành lạnh;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa (trừ răng giả, kính thuốc);
- Mua bán dụng cụ y tế;
- Khai thác quặng sắt (DN chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định);
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (DN chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định);
- Khai thác và mua bán đá, cát, sỏi, đất sét;
- Mua bán kim loại và quặng kim loại;
- Cho thuê kho bãi;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 39).

Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng 30-4 với tỷ lệ sở hữu là 40%. Ngày 17 tháng 01 năm 2012, Công ty ký hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần, bán lại toàn bộ số cổ phần này cho bà Nông Thị Duyên với giá trị 125 tỷ đồng. Ngày 28 tháng 4 năm 2012, hai bên đã thực hiện ký biên bản thỏa thuận hủy hợp đồng chuyển nhượng nêu trên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2012 và ngày 22 tháng 10 năm 2012, Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, bán lại số cổ phần này cho Công ty Cổ phần khai thác chế biến Khoáng sản Việt và ông Bùi Đình Chiên với giá trị lần lượt là 95 tỷ đồng và 5 tỷ đồng. Khoản chuyển nhượng này đã thu được 55 tỷ đồng, số tiền chưa thu hồi được là 45 tỷ đồng (trong đó có 40 tỷ đồng của Công ty Cổ phần khai thác chế biến Khoáng sản Việt và 5 tỷ đồng của Ông Bùi Đình Chiên).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

32-C
TY
HỮU
DÂN
VIỆ
IP

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch
Ông Mai Thanh Phương	Phó Chủ tịch
Bà Đào Thị Soi	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Ủy viên

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Văn Hải	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012
Bà Trần Diệu Linh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên	
Bà Chu Thị Hữu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Mai Thanh Phương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Soi	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



10/01/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Mai Thanh Phương

Ngày 26 tháng 3 năm 2013





INCREASING YOUR VALUE

Số : 05/2012.03/VPA-BCTC

Ngày : 26 tháng 3 năm 2013

Nơi nhận : **Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam**
Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**

Về việc : **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

về Báo cáo tài chính tổng hợp năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam được lập ngày 26 tháng 3 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 08 đến trang 39 kèm theo.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 20 tháng 3 năm 2012 có dạng ý kiến chấp nhận toàn bộ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực, chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN VIỆT

Phó Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh

Chứng chỉ KTV số: Đ.0053/KTV

Kiểm toán viên

Hồ Xuân Hà

Chứng chỉ KTV số: 1603/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		249.801.801.857	274.702.999.584
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.921.999.906	5.434.933.338
1. Tiền	111		3.081.999.906	5.434.933.338
2. Các khoản tương đương tiền	112		840.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		117.654.766.593	85.592.673.537
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	97.621.641.096	66.913.387.311
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	21.014.792.879	8.674.398.074
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	-	10.986.555.534
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(981.667.382)	(981.667.382)
IV. Hàng tồn kho	140		83.379.775.268	134.202.043.886
1. Hàng tồn kho	141	V.6	83.379.775.268	134.202.043.886
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		44.845.260.090	49.473.348.823
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	369.415.467	329.675.210
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		490.643.073	9.663.005.789
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	-	111.003.589
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	43.985.201.550	39.369.664.235

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		88.419.868.251	172.896.454.490
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		37.592.524.097	45.795.295.777
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	37.580.524.098	45.770.858.053
Nguyên giá	222		87.781.149.388	87.645.168.588
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.200.625.290)	(41.874.310.535)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	11.999.999	24.437.724
Nguyên giá	228		150.962.600	150.962.600
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(138.962.601)	(126.524.876)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		50.775.969.451	126.824.739.312
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	9.600.000.000	9.600.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	5.040.000.000	5.040.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	37.000.000.000	113.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.15	(864.030.549)	(815.260.688)
V. Tài sản dài hạn khác	260		51.374.703	276.419.401
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	51.374.703	135.240.969
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	-	141.178.432
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		338.221.670.108	447.599.454.074

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		202.870.168.789	301.265.905.541
I. Nợ ngắn hạn	310		200.580.141.335	212.781.768.373
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	131.217.765.150	126.653.293.728
2. Phải trả người bán	312	V.19	5.159.468.536	20.271.380.098
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	43.931.901.557	43.408.383.959
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	13.303.547.297	9.987.294.637
5. Phải trả người lao động	315		574.008.649	778.890.909
6. Chi phí phải trả	316	V.22	5.751.044.101	11.215.557.986
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	584.883.012	409.444.023
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		57.523.033	57.523.033
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.290.027.454	88.484.137.168
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	-	86.610.863.415
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	144.437.762
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.25	2.290.027.454	1.728.835.991
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		135.351.501.319	146.333.548.533
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.26	135.351.501.319	146.333.548.533
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		148.495.780.000	148.495.780.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.672.110.000	5.672.110.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(20.000)	(20.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.955.874.625	2.955.874.625
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		544.719.321	544.719.321
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(22.316.962.627)	(11.334.915.413)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		338.221.670.108	447.599.454.074



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		296,86	34,58
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Trần Văn Vương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Tổng Giám đốc



Mai Thanh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	223.311.850.741	300.503.409.730
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	5.479.508.583	8.515.958.111
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	217.832.342.158	291.987.451.619
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	171.703.145.628	242.583.878.270
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46.129.196.530	49.403.573.349
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	303.485.740	2.802.665.306
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	41.728.739.466	38.423.034.970
Trong đó: chi phí lãi vay	23		28.491.937.212	36.104.323.876
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	5.300.369.891	9.536.129.543
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10.211.781.208	19.029.391.629
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10.808.208.295)	(14.782.317.487)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.522.721.550	335.101.906
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.015.809.382	590.853.634
13. Lợi nhuận khác	40		506.912.168	(255.751.728)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(10.301.296.127)	(15.038.069.215)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	680.751.087	33.629.076
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(10.982.047.214)	(15.071.698.291)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Văn Vương

Huy Thị Dung



Mai Thanh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(10.301.296.127)	(15.038.069.215)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		8.338.752.480	8.592.019.994
- Các khoản dự phòng	03		48.769.861	322.856.844
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		51.752.041	235.710.629
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		12.696.514.260	(2.072.291.666)
- Chi phí lãi vay	06		28.491.937.212	36.104.323.876
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		39.326.429.727	28.144.550.462
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.507.269.103)	(16.558.588.907)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		50.822.268.618	(23.724.477.024)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(11.588.531.361)	41.636.317.589
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		44.126.009	723.758.186
- Tiền lãi vay đã trả	13		(34.037.131.097)	(25.204.907.833)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(300.815.092)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		30.764.696.761	2.267.008.834
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.510.513.292)	(38.035.509.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		62.314.076.262	(31.052.662.785)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(135.980.800)	(928.370.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(37.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(113.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		55.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		303.485.740	2.072.291.666
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		18.167.504.940	(108.856.079.061)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	25.420.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		75.209.114.953	319.928.508.335
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(157.203.613.425)	(206.170.404.621)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(81.994.498.472)	139.178.103.714
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.512.917.270)	(730.638.132)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.434.933.338	6.165.636.942
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(16.162)	(65.472)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		3.921.999.906	5.434.933.338

Người lập biểu

Trần Văn Vương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2013

Tổng Giám đốc



Mai Thanh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ** :
 - Sản xuất đồ điện dân dụng;
 - Sản xuất điều hòa không khí.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trị giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được xem xét và trích lập vào thời điểm kết thúc năm tài chính.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm kế toán

Phần mềm máy vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao 03 năm.

Chi phí thiết kế trang Web

Chi phí thiết kế trang Web bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Chi phí đi vay

Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

8. Đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Chi phí bảo hành sản phẩm

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 1% trên doanh thu thuần đối với sản phẩm là điều hòa nhiệt độ và 0,5% trên doanh thu đối với hàng gia dụng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm được thực hiện vào cuối năm tài chính.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 19121000057 ngày 26 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty tiếp tục được hưởng các ưu đãi theo Giấy phép đầu tư số 24/GP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam. Theo đó thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Trong 12 năm đầu tiên kể từ khi dự án bắt đầu sản xuất kinh doanh thuế suất là 15%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo.

Năm 2012 là năm tài chính thứ 11 của dự án tính từ thời điểm dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy phép đầu tư số 24/GP-VP ngày 22/8/2002 và là năm tài chính thứ 7 Công ty có thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tỷ giá quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Trường hợp doanh nghiệp mở tài khoản tại nhiều ngân hàng thương mại có công bố tỷ giá của đồng ngoại tệ đó thì khi quy đổi thực hiện theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012: 20.815 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.



1
3
T
K
7
15

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.012.509.536	4.049.868.732
Tiền gửi ngân hàng	1.912.632.770	1.385.064.606
Tiền đang chuyển	156.857.600	-
Các khoản tương đương tiền	840.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	840.000.000	-
Cộng	3.921.999.906	5.434.933.338

2. Phải thu khách hàng

Chi tiết theo đơn vị

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	86.209.399.089	44.889.455.690
Chi nhánh Công ty tại TP. Hà Nội	3.712.071.103	9.725.775.194
Chi nhánh Công ty tại TP. Đà Nẵng	2.722.329.715	2.404.995.874
Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh	4.977.841.189	9.893.160.553
Cộng	97.621.641.096	66.913.387.311

3. Trả trước cho người bán

Chi tiết theo đơn vị

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	21.014.792.879	8.510.398.074
Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh	-	164.000.000
Cộng	21.014.792.879	8.674.398.074

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi ứng vốn ủy thác đầu tư	-	1.986.250.000
Phải thu tiền ứng vốn ủy thác đầu tư	-	9.000.000.000
Các khoản phải thu khác	-	305.534
Cộng	-	10.986.555.534

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là dự phòng nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	11.413.797.247	33.295.913.608
Công cụ, dụng cụ	4.800.000	9.600.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	27.295.187.911	26.675.846.380
Thành phẩm	17.666.284.963	39.465.040.782
Hàng hóa	25.227.461.917	24.246.321.638
Hàng gửi đi bán	1.772.243.230	10.509.321.478
Cộng	83.379.775.268	134.202.043.886

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê văn phòng	245.528.178	221.210.000
Giá trị CCDC xuất dùng	6.044.454	98.741.877
Chi phí bảo trì, sửa chữa phần mềm	27.479.167	9.723.333
Chi phí bảo hiểm tài sản	47.599.342	-
Chi phí trả trước khác	42.764.326	-
-Tiền gửi xe ô tô 3 tháng	2.727.273	-
-Chi phí lắp đặt, sửa chữa đường ống khí, nâng nền, bảo vệ cây xanh...	22.729.167	-
-Chi phí tiền công quản lý, vận hành đường dây 22KV	17.307.886	-
Cộng	369.415.467	329.675.210

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	111.003.589
Cộng	-	111.003.589

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	21.485.080.470	1.122.059.294
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	22.500.121.080	38.247.604.941
Cộng	43.985.201.550	39.369.664.235

(*) Trong đó có 18.000.000.000 đồng là tiền phát hành trái phiếu nhưng chưa được giải ngân do chưa có tài sản thế chấp (xem thêm thuyết minh số V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	22.069.620.194	60.309.329.802	4.601.212.633	603.997.322	61.008.637	87.645.168.588
Tăng do mua sắm mới	-	135.980.800	-	-	-	135.980.800
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	22.069.620.194	60.445.310.602	4.601.212.633	603.997.322	61.008.637	87.781.149.388
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	7.598.427.267	30.638.168.795	3.019.334.834	565.360.420	53.019.219	41.874.310.535
Tăng do trích khấu hao	1.413.436.102	6.247.320.671	628.747.976	28.820.588	7.989.418	8.326.314.755
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	9.011.863.369	36.885.489.466	3.648.082.810	594.181.008	61.008.637	50.200.625.290
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	14.471.192.927	29.671.161.007	1.581.877.799	38.636.902	7.989.418	45.770.858.053
Số cuối năm	13.057.756.825	23.559.821.136	953.129.823	9.816.314	-	37.580.524.098

Một số tài sản cố định là máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc, phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo sổ sách là 67.511.044.517 VND và 34.706.146.187 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Thanh Xuân.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	Website	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	133.962.600	17.000.000	150.962.600
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	133.962.600	17.000.000	150.962.600
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	123.691.542	2.833.334	126.524.876
Tăng do khấu hao	6.771.058	5.666.667	12.437.725
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	130.462.600	8.500.001	138.962.601
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.271.058	14.166.666	24.437.724
Số cuối năm	3.500.000	8.499.999	11.999.999



12. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa	960.000	9.600.000.000	960.000	9.600.000.000
Cộng		9.600.000.000		9.600.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa số tiền 9.600.000.000 đồng, tương đương 80% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa	504.000	5.040.000.000	504.000	5.040.000.000
Cộng		5.040.000.000		5.040.000.000

Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 28%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ (*)	37.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng 30-4 (**)	-	113.000.000.000
Cộng	37.000.000.000	113.000.000.000

(*) Là khoản hợp tác với Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ về việc đầu tư khai thác khoáng sản tại mỏ Cao Lanh, tỉnh Cao Bằng, thời hạn hợp tác là 02 năm (thời hạn có thể được kéo dài theo sự thỏa thuận của hai bên).

(**) Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng 30-4 với tỷ lệ sở hữu là 40%. Trong năm 2012, Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư cho 02 đối tác cụ thể như sau:

Người mua	Ngày chuyển nhượng	Giá trị chuyển nhượng	Đã thu bằng tiền	Chưa thu được tiền
Công ty Cổ phần khai thác chế biến Khoáng sản Việt	24/7/2012	95.000.000.000	55.000.000.000	40.000.000.000
Ông Bùi Đình Chiên	22/10/2012	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Cộng		100.000.000.000	55.000.000.000	45.000.000.000



15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa	(864.030.549)	(815.260.688)
Cộng	(864.030.549)	(815.260.688)

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	13.940.001	82.263.530
Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị	-	52.394.113
Chi phí bảo trì phần mềm	-	583.326
Phí thiết kế thi công hạng mục nội thất, nhà xưởng	37.434.702	-
Cộng	51.374.703	135.240.969

17. Tài sản dài hạn khác

Là số dư ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>69.211.379.860</i>	<i>123.363.452.500</i>
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - chi nhánh Thanh Xuân	69.211.379.860	121.570.765.647
Ngân hàng NN & PTNT - Phúc Yên	-	1.792.686.853
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>62.006.385.290</i>	<i>3.289.841.228</i>
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - chi nhánh Thanh Xuân (*)	2.006.385.290	3.289.841.228
Trái phiếu công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam (**)	60.000.000.000	-
Cộng	131.217.765.150	126.653.293.728

(*) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Thanh Xuân để thanh toán tiền mua khuôn sản xuất vỏ, dàn trao đổi nhiệt điều hòa không khí trung tâm loại 100.000 BTU, 120.000 BTU. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất vay (kỳ đầu tiên) 10,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn rút vốn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009; khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(**) Là khoản phát hành trái phiếu theo hợp đồng mua bán trái phiếu số 06/HĐTP/MSB ngày 06 tháng 7 năm 2011 ký giữa Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam ("Tổ chức phát hành") và Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam ("Nhà đầu tư"). Loại trái phiếu là trái phiếu doanh nghiệp có tài sản đảm bảo với tổng số trái phiếu là 85, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu là 2 năm từ tháng 7 năm 2011 đến tháng 7 năm 2013. Lãi suất của năm đầu tiên là 25%/năm. Mục đích sử dụng để mua lại 40% cổ phần của Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng 30-4. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng mới giải ngân cho đơn vị là 67.000.000.000 đồng theo tài sản đảm bảo, số chưa giải ngân là 18.000.000.000 đồng đang được phản ánh trên chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" trên Bảng Cân đối kế toán. Trong năm 2012, Công ty đã chuyển cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam số tiền 25.000.000.000 đồng. Số tiền nợ phải trả về trái phiếu đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 60.000.000.000 đồng.

19. Phải trả người bán

Chi tiết theo đơn vị

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	4.504.469.838	20.246.980.211
Chi nhánh Công ty tại TP. Hà Nội	53.855.933	10.849.633
Chi nhánh Công ty tại TP. Đà Nẵng	11.950.240	13.550.254
Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh	589.192.525	-
Cộng	5.159.468.536	20.271.380.098

20. Người mua trả tiền trước

Chi tiết theo đơn vị

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	43.885.970.281	41.404.551.366
Chi nhánh Công ty tại TP. Hà Nội	9.036.376	705.515.648
Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh	36.894.900	1.298.316.945
Cộng	43.931.901.557	43.408.383.959

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.342.083.515	69.299.268
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	95.510.174	2.381.319.361
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.635.834.488	6.746.131.302
Thuế xuất, nhập khẩu	1.637.553.834	790.241.817
Thuế thu nhập doanh nghiệp	569.747.498	-
Thuế thu nhập cá nhân	22.817.788	302.889
Cộng	13.303.547.297	9.987.294.637

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	943.953.576	560.891.542
Chi phí phải trả trạm bảo hành ủy quyền	228.402.000	147.722.000
Lãi trái phiếu dự trả	4.578.688.525	10.506.944.444
Cộng	5.751.044.101	11.215.557.986

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	8.700.576	82.930.325
Bảo hiểm y tế	32.667.983	79.571.330
Bảo hiểm thất nghiệp	17.340.190	37.749.036
Cổ tức năm 2007 còn phải trả	93.052.800	93.052.800
Lợi nhuận còn lại của Công ty liên doanh	96.918.688	96.918.688
Chênh lệch thuế nhập khẩu chờ xử lý	-	19.221.844
Phải trả, phải nộp khác	336.202.775	-
Cộng	584.883.012	409.444.023

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Thanh Xuân	-	1.610.863.415
Trái phiếu phát hành	-	85.000.000.000
Cộng	-	86.610.863.415

25. Dự phòng phải trả dài hạn

Là dự phòng phải trả dài hạn cho hoạt động bảo hành sản phẩm tiêu thụ. Chi tiết phát sinh trong kỳ của khoản dự phòng phải trả dài hạn như sau:

Số đầu năm	1.728.835.991
Tăng do trích lập trong năm	2.290.027.454
Hoàn nhập cuối năm	(86.311.481)
Số đã sử dụng trong năm	(1.642.524.510)
Số cuối năm	2.290.027.454

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

26. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	110.000.000.000	12.000.000.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	10.486.781.878	135.987.355.824
Cổ đông góp vốn bằng tiền	25.000.000.000	420.000.000	-	-	-	-	25.420.000.000
Phát hành cổ phiếu thường, lấy từ nguồn thặng dư	6.747.890.000	(6.747.890.000)	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	6.747.890.000	-	-	-	-	(6.747.890.000)	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(15.071.698.291)	(15.071.698.291)
Chi trả cổ tức bằng tiền cho cổ phiếu lẻ	-	-	-	-	-	(2.109.000)	(2.109.000)
Số dư cuối năm trước	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(11.334.915.413)	146.333.548.533
Số dư đầu năm nay	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(11.334.915.413)	146.333.548.533
Vốn góp tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(10.982.047.214)	(10.982.047.214)
Số dư cuối năm	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(22.316.962.627)	135.351.501.319

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	148.495.780.000	148.495.780.000
Thặng dư vốn cổ phần	5.672.110.000	5.672.110.000
Cổ phiếu quỹ	(20.000)	(20.000)
Cộng	154.167.870.000	154.167.870.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.849.578	14.849.578
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.849.576	14.849.576
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.849.576	14.849.576

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phần.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	223.311.850.741	300.503.409.730
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	213.765.059.900	299.237.041.315
Doanh thu cung cấp, lắp đặt điều hòa	9.546.790.841	1.266.368.415
Các khoản giảm trừ doanh thu:	5.479.508.583	8.515.958.111
Chiết khấu thương mại	220.400.585	-
Hàng bán bị trả lại	342.336.364	1.254.498.822
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.916.771.634	7.261.459.289
Doanh thu thuần	217.832.342.158	291.987.451.619

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hóa và thành phẩm đã bán	163.316.417.673	241.359.754.876
Giá vốn cung cấp, lắp đặt điều hòa	8.386.727.955	1.224.123.394
Cộng	171.703.145.628	242.583.878.270

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	303.485.740	2.678.453.352
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	124.211.954
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Cộng	303.485.740	2.802.665.306

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	21.111.169.344	25.597.379.432
Lãi trái phiếu phải trả	7.380.767.868	10.506.944.444
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	136.280.352	1.885.231.003
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	51.752.041	235.710.629
Lỗ do chuyển nhượng lại khoản đầu tư vào Công ty 30-4	13.000.000.000	-
Dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty liên kết	48.769.861	197.769.462
Cộng	41.728.739.466	38.423.034.970

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	793.011.498	1.047.194.554
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	168.959.422	6.786.301
Chi phí khấu hao TSCĐ	44.992.644	58.178.945
Chi phí bảo hành	1.378.386.914	1.595.476.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.422.678.622	880.266.036
Chi phí bằng tiền khác	1.492.340.791	5.948.227.424
Cộng	5.300.369.891	9.536.129.543

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.581.188.551	4.644.730.599
Chi phí đồ dùng văn phòng	251.973.079	326.474.311
Chi phí khấu hao TSCĐ	723.820.447	913.745.024
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	6.899.418
Chi phí dự phòng	-	125.087.382
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.620.774.354	9.407.197.808
Chi phí bằng tiền khác	1.028.024.777	3.605.257.087
Cộng	10.211.781.208	19.029.391.629

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý vật tư linh kiện	75.374.656	-
Thu tiền phạt vi phạm	1.067.250	-
Thu cho thuê xe	60.000.000	-
Thu cho thuê văn phòng	36.363.636	289.090.908
Thu cho thuê kho	3.262.962.360	-
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	86.913.562	-
Thu nhập khác	40.086	46.010.998
Cộng	3.522.721.550	335.101.906



H/S/V C A V

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Các khoản phạt hành chính về thuế	181.883.522	589.006.165
Chênh lệch quyết toán công trình	814.091	-
Các khoản thuế bị truy thu	807.345.005	-
Thuế ấn định với hàng hóa xuất khẩu	2.008.313.000	-
Chi phí khác	17.453.764	1.847.469
Cộng	3.015.809.382	590.853.634

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	221.029.378	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	459.721.709	33.629.076
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	680.751.087	33.629.076

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(10.301.296.127)	(15.038.069.215)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	13.248.354.499	1.022.486.256
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	51.752.041	235.710.629
Lỗ từ hoạt động đầu tư	13.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư theo lỗ kế hoạch	-	197.769.462
Các khoản phạt hành chính	181.883.522	589.006.165
Chi phí không hợp lệ khác	14.718.936	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.947.058.372	(14.015.582.959)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%	15%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	442.058.756	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (50%)	(221.029.378)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	221.029.378	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Doanh nghiệp không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Năm 2011, Công ty đã phát hành 85 trái phiếu doanh nghiệp có tài sản đảm bảo với tổng giá trị là 85.000.000.000 đồng. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng TMCP Hàng Hải mới giải ngân cho đơn vị là 67.000.000.000 đồng theo tài sản đảm bảo, số chưa giải ngân là 18.000.000.000 đồng đang được phản ánh ở chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” trên Bảng Cân đối kế toán.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng 30-4	-	104.000.000.000
Hoàn tiền ủy thác, tăng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng 30-4	-	95.000.000.000
Chi tạm ứng đầu	18.400.000.000	-
Thu tạm ứng đầu tư	7.400.000.000	-
Tạm ứng công tác	1.074.554.177	991.125.441
Hoàn tạm ứng	833.046.092	944.695.591
Lãi ứng vốn ủy thác đầu tư chưa sử dụng	-	1.986.250.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải thu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị tạm ứng	21.054.570.455	766.632.520
Phải thu tiền ứng vốn ủy thác đầu tư	-	9.000.000.000
Phải thu tiền tạm ứng	21.054.570.455	813.062.370
Lãi ứng vốn ủy thác đầu tư	-	1.986.250.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	683.638.077	681.062.342

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Công ty con
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển kỹ thuật Nagakawa		
Phải thu cho thuê xe	66.000.000	198.000.000
+ Giá trị chưa thuế	60.000.000	180.000.000
+ Thuế GTGT đầu ra	6.000.000	18.000.000
Phải thu tiền bán hàng	65.500.944.713	72.526.776.872
+ Giá trị chưa thuế	59.546.313.306	65.933.433.520
+ Thuế GTGT đầu ra	5.954.631.407	6.593.343.352
Phải trả tiền lắp đặt công trình	2.715.138.209	1.346.535.733
+ Giá trị chưa thuế	2.468.307.463	1.224.123.394
+ Thuế GTGT đầu vào	246.830.746	122.412.339
Thu tiền bán hàng	67.988.527.200	77.735.466.000
Trả trước tiền hàng cho IDT	2.100.000.000	4.830.000.000
Bù trừ công nợ	-	1.376.775.733
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ		
Phải thu tiền bán hàng	51.973.147.820	77.937.680.535
+ Giá trị chưa thuế	47.248.316.200	70.852.436.850
+ Thuế GTGT đầu ra	4.724.831.620	7.085.243.685
Thu tiền bán hàng	51.420.000.000	66.860.000.000
Góp vốn đầu tư hợp tác kinh doanh	37.000.000.000	-
Hàng bán bị trả lại	174.075.000	-
+ Giá trị chưa thuế	158.250.000	-
+ Thuế GTGT đầu ra	15.825.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa		
Doanh thu cho thuê văn phòng	40.000.000	120.000.000
+ Giá trị chưa thuế	36.363.636	109.090.909
+ Thuế GTGT đầu ra	3.636.364	10.909.091
Thu lại gốc vay	-	3.000.000.000
Thu viên lãi cho vay có kỳ hạn	-	129.791.666
Thanh toán tiền thuê văn phòng	50.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Công ty với với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa	18.444.574.166	21.481.294.856
Phải thu tiền bán hàng	14.229.712.375	16.651.294.856
Phải thu tiền ứng trước	4.214.861.791	4.830.000.000
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	54.501.150.473	17.122.077.653
Phải thu tiền bán hàng	17.501.150.473	17.122.077.653
Các khoản hợp tác đầu tư dài hạn	37.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa	-	10.000.000
Phải thu tiền cho thuê văn phòng	-	10.000.000
Cộng nợ phải thu	<u>72.945.724.639</u>	<u>38.613.372.509</u>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, khu vực Miền Trung và khu vực Miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm nay	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	177.693.955.968	9.681.818.506	30.456.567.684	-	217.832.342.158
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	93.808.939.177	-	-	(93.808.939.177)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	271.502.895.145	9.681.818.506	30.456.567.684	(93.808.939.177)	217.832.342.158
Chi phí bộ phận	241.692.431.447	7.639.108.219	21.845.290.419	(94.173.314.566)	177.003.515.519
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	29.810.463.698	2.042.710.287	8.611.277.265	364.375.389	40.828.826.639
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(10.211.781.208)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					30.617.045.431
Doanh thu hoạt động tài chính					303.485.740
Chi phí tài chính					(41.728.739.466)
Thu nhập khác					3.522.721.550
Chi phí khác					(3.015.809.382)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(680.751.087)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(10.982.047.214)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	235.828.900	-	-	-	235.828.900
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.396.324.504	-	126.142.342	-	8.522.466.846



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực		Khu vực		Các khoản loại trừ	Cộng
	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Miền Bắc		
Số cuối năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	356.303.740.182	4.760.698.716	11.540.935.849	(34.383.704.639)		338.221.670.108
Tổng tài sản						338.221.670.108
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận						
Tổng nợ phải trả	220.413.921.850	4.760.698.716	11.540.935.849	(33.845.387.626)		202.870.168.789
Tổng nợ phải trả						202.870.168.789
Số đầu năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	421.085.059.662	3.613.473.748	22.900.920.664	-		447.599.454.074
Tổng tài sản						447.599.454.074
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận						
Tổng nợ phải trả	299.766.649.010	84.653.481	1.414.603.050	-		301.265.905.541
Tổng nợ phải trả						301.265.905.541

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.921.999.906	5.434.933.338	3.921.999.906	5.434.933.338
Phải thu khách hàng	96.639.973.714	65.931.719.929	96.639.973.714	65.931.719.929
Các khoản phải thu khác	43.985.201.550	50.497.398.201	43.985.201.550	50.497.398.201
Cộng	144.547.175.170	121.864.051.468	144.547.175.170	121.864.051.468
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	131.217.765.150	213.264.157.143	131.217.765.150	213.264.157.143
Phải trả người bán	5.159.468.536	20.271.380.098	5.159.468.536	20.271.380.098
Các khoản phải trả khác	9.199.963.216	14.277.166.671	9.199.963.216	14.277.166.671
Cộng	145.577.196.902	247.812.703.912	145.577.196.902	247.812.703.912

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	131.217.765.150		-	131.217.765.150
Phải trả người bán	5.159.468.536	-	-	5.159.468.536
Chi phí phải trả	5.751.044.101	-	-	5.751.044.101
Các khoản phải trả khác	1.158.891.661	2.290.027.454	-	3.448.919.115
Cộng	143.287.169.448	2.290.027.454	-	145.577.196.902
Số đầu năm				
Vay và nợ	126.653.293.728	86.610.863.415	-	213.264.157.143
Phải trả người bán	20.271.380.098	-	-	20.271.380.098
Chi phí phải trả	11.215.557.986	-	-	11.215.557.986
Các khoản phải trả khác	1.188.334.932	1.873.273.753	-	3.061.608.685
Cộng	159.328.566.744	88.484.137.168	-	247.812.703.912

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) tại Hà Nội.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Trần Văn Vương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Tổng Giám đốc



Mai Thanh Phương